

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09 – 9 - 2020

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lý Tấn Hùng

2. Bà Hồ Thị Ngọc Diễm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Sương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà La Thị Thúy Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 279/2020/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số 314A/2, Ấp A, xã S, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Thanh T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số 315, ấp H, xã S1, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Chị Đ có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các biên bản làm việc trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị Đ trình bày:*

Chị và anh Trần Thanh T cưới nhau vào năm 2002 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S1, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới anh, chị chung sống hạnh phúc. Nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh T gia trưởng, quản lý về kinh tế trong gia đình, vợ chồng thường hay tranh cãi lẫn nhau, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay. Chị nhận thấy hạnh phúc và tình thương giữa vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thanh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Diễm N, sinh ngày 09/6/2002 và Trần Thị Diễm N1, sinh ngày 20/02/2004. Hiện nay con đang sống chung với chị, nếu ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh Trần Thanh T trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh T.*

*Cháu Trần Thị Diễm N và cháu Trần Thị Diễm N1 có lời trình bày:*

Hai cháu là con của anh Trần Thanh T và chị Lê Thị Đ nếu cha, mẹ cháu ly hôn hai cháu yêu cầu được sống chung với mẹ (chị Đ).

*Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:* Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chị Đ có yêu cầu ly hôn, anh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh T đã trầm trọng, hôn nhân có kéo dài cũng không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ. Về con chung: có 02 con chung tên Trần Thị Diễm N, sinh ngày 09/6/2002 và Trần Thị Diễm N1, sinh ngày 20/4/2004, cháu N hiện đã trưởng thành nên không xét đến. Đối với cháu N1 chưa trưởng thành và có nguyện vọng sống với chị Đ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Đ; ghi nhận chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, chị Đ khai không có nên không xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Đ có đơn yêu cầu ly hôn với anh T. Bị đơn anh T hiện đang cư trú tại xã S1 huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Mặc dù, anh Trần Thanh T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Đ và anh T chung sống với nhau vào năm 2002 trên tinh thần tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S1, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre là phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân

hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị Đ và anh T lúc đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị Đ trình bày là do hai vợ chồng thường xuyên bất hòa cự cãi lẫn nhau, anh T gia trưởng, quản lý kinh tế trong gia đình. Chị Đ và anh T đã sống ly thân, anh T bỏ về nhà mẹ ruột sống từ tháng 10/2019 cho đến nay. Nay chị Đ nhận thấy tình thương giữa chị và anh T không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Tòa án đã tiến hành xác minh đối với bà Lê Thị Lan (mẹ ruột anh T), bà Lan có lời trình bày: Chị Đ là dâu của bà theo ý của bà mong muốn chị Đ và T trở lại chung sống để nuôi con, còn việc Đ cho rằng T gia trưởng là không đúng, còn theo ông Lê Văn R (cha ruột chị Đ) có lời trình bày: Chị Đ và anh T cưới nhau năm 2002, sau khi kết hôn được nhà nước cấp cho một căn nhà, do anh chị không có đất nên ông R có cho vợ chồng anh chị một phần đất để cất nhà gần nhà ông, trong thời gian chung sống ông nhận thấy anh T và chị Đ sống có hạnh phúc, sinh được hai đứa con. Nguyên nhân chị Đ (con ông) xin ly hôn là do anh T bạo lực với vợ con, quản lý tài chính trong gia đình, gây ra nợ nần và đã bỏ nhà ra đi về mẹ ruột sinh sống tính đến nay khoảng 4 - 5 tháng. Việc anh chị có chung sống trở lại hay ly hôn là tùy anh chị tự quyết định ông không có ý kiến.

Đối với anh T, sau khi tiếp nhận hồ sơ Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ triệu tập anh T đến làm việc nhưng anh T không đến, vì vậy Tòa án không ghi nhận được lời khai của anh T, đồng thời cũng không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Việc anh T vắng mặt thể hiện anh T cũng không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Đ. Điều đó chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân của chị Đ và anh T đã có mâu thuẫn trầm trọng, tình thương đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Xét thấy, việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 02 con chung là Trần Thị Diễm N, sinh ngày 09/6/2002 và Trần Thị Diễm N1, sinh ngày 20/2/2004. Hiện cháu N đã trưởng thành nên không xem xét. Đối với cháu N1 chưa trưởng thành hiện đang sống với chị Đ, cháu N1 có nguyện vọng được sống chung với chị Đ, đây là ý chí tự nguyện của cháu, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần giao cháu N1 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì quyền và lợi ích của con, một hoặc cả hai bên được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau này.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ trình bày không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được miễn nộp do là người thuộc hộ cận nghèo.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

### ***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Đ được ly hôn với anh Trần Thanh T.
2. Về con chung: Giao con chung là Trần Thị Diễm N1, sinh ngày 20/02/2004 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận việc chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Cháu Trần Thị Diễm N, sinh ngày 09/6/2002 đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đ được miễn nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm .

Chị Đ có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

### ***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã S1.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quốc Tuấn**